

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L

TỈNH PHÚ THỌ

Số: 62/2019/QĐST-HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

L, ngày 23 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 107/2019/TLST-HNGĐ ngày 8 tháng 4 năm 2019.

Nguyên đơn: Chị Triệu Thị T, sinh năm: 1999;

Bị Đơn: Anh Nguyễn Quang Q, sinh năm: 1994;

Đều trú tại: Khu 3, xã H, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Triệu Thị T và anh Nguyễn Quang Q
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Chị Triệu Thị T và anh Nguyễn Quang Q thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên cháu Nguyễn Quang M - sinh ngày 11/11/2018, kể từ tháng 5/2019 cho đến khi cháu M thành niên và có khả năng lao động. Anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T 1.000.000 đồng (Một triệu đồng chẵn) / tháng kể từ tháng 5/2019 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ chung: Hai bên xác định có nhưng hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa xem xét, giải quyết.

Về công sức đóng góp: Chị T và anh Q xác nhận không có không yêu cầu Tòa xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Triệu Thị T tự nguyện chịu cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận chị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ly hôn theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002659 ngày 8/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L (anh Nguyễn Quang Q nộp hộ).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS huyện L;
- Chi cục Thi hành án dân sự H.L;
- UBND xã Hợp H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Phùng Thị Kim Nguyên